

Số: 07/QĐ-TA

LT, ngày 04 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. *Thẩm phán*: Bà Kim Thị Ánh Vân

2. *Thư ký phiên họp*: Ông Trần Mạnh Tuấn

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số 07/QĐ-TA ngày 21 tháng 3 năm 2024 đối với:

Họ và tên: Hà Văn T, sinh ngày 05/12/1976; Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở: Hà Văn T, xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Tiền án: 01.

Con ông: Hà Văn T1 và bà Nguyễn Thị A.

Vắng mặt tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. *Đại diện cơ quan đề nghị*: Ông Nguyễn Mạnh Hùng- Phó Trưởng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện LT.

+ *Người được ủy quyền*: Bà Hà Thị Hồng Nhung- Chức vụ: Chuyên viên Phòng Lao động Thương binh và xã hội (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2024)

2. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT*: Bà Diệp Thị T Tâm- Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Qua phản ánh của quần chúng nhân dân, Hà Văn T thường sử dụng ma túy. Công an xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đã triệu tập T lên làm việc, tiến hành lấy lời khai và thu mẫu để xét nghiệm nước tiểu của T. Tại phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của Trạm Y tế xã L ngày 03/01/2024 xác định T dương tính với chất ma túy. Công an xã L tiến hành làm việc, lập biên bản về việc T sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 03/01/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân

dân xã L ban hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy số 01b/QĐ-UBND. Ngày 09/01/2024 trạm y tế xã L tiến hành xét nghiệm xác định T vẫn dương tính với chất ma túy loại Heroin, cùng ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ra Quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy số 08a/QĐ-UBND. Công an xã L tiến hành lập biên bản yêu cầu Hà Văn T trong thời hạn 5 ngày (từ ngày 09/01/2024 đến ngày 14/01/2024) phải đến Ủy ban nhân dân xã L để làm thủ đăng ký cai nghiện tự nguyện nhưng T không thực hiện.

Tại biên bản tường trình về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy T trình bày: Bản thân nghiện ma túy từ năm 2013, hình thức sử dụng là hít tann suất sử dụng một đến hai lần/ngày. T không đăng ký tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân xã.

Đại diện Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện LT đề nghị Tòa án nhân dân huyện LT xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn từ 20 tháng đến 24 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT đề nghị Tòa án nhân dân huyện LT căn cứ vào khoản 2 Điều 9, Điều 95, 105 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 49, 59 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; khoản 1 Điều 32 của Luật Phòng, chống ma túy; Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống ma túy, luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn từ 20 tháng đến 24 tháng.

Người bị đề nghị vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, tuy nhiên trong biên bản ghi lời khai và bản tường trình đã thừa nhận hành vi sử dụng ma túy trái phép và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trên cơ sở ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên, thấy rằng:

Về tính hợp pháp của hồ sơ: Tài liệu có trong hồ sơ đề nghị được thu thập đầy đủ, đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn tại các Điều 40, 41, 42 và 43 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống ma túy, luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị áp dụng: Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm lan tràn tệ nạn ma túy trong cộng đồng, gây tác động tiêu cực đến quá trình đấu tranh về tệ nạn ma túy trong xã hội. Mặc dù, nhận thức rõ tác hại của ma túy cũng như quy định của pháp luật nghiêm cấm sử dụng trái phép chất ma túy nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên T đã nghiện ma túy từ năm 2013 cho đến nay. Đến nay, mặc dù vẫn đang nghiện ma túy, Công an xã đã lập biên bản yêu cầu trong thời hạn 05 ngày phải đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện nhưng T không thực hiện, do vậy T thuộc trường hợp “*không đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện*” theo khoản 1 Điều 32 của Luật Phòng, chống ma túy; điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ. Do vậy, cần áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T để có điều kiện cải tạo bản thân.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tại phiên họp T vắng mặt, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện T là người nghiện chất ma túy và đã thành khẩn khai nhận về hành vi vi phạm của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 9 của Luật xử lý vi phạm hành chính; T không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 10 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Xét thấy, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy có tác động rất xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển trí tuệ, thể chất của con người, làm suy thoái đạo đức và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm. Do đó việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T như đề nghị của đại diện Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT là cần thiết và hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 9, Điều 95, 105 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 49, 59 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; khoản 1 Điều 32 của Luật Phòng, chống ma túy; Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống ma túy, luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, cần áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1976, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 22 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố Quyết định, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện LT có quyền kiến nghị, Viện Kiểm sát nhân dân huyện LT có quyền kháng nghị; người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính vắng mặt có quyền khiếu nại Quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện LT phối hợp với Công an huyện LT có trách nhiệm đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Nơi nhận:

- Người bị áp dụng;
- VKSND huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Phòng LĐTB&XH huyện LT;
- Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã L, huyện LT;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Kim Thị Ánh Vân